TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26/2026/QĐST- DS	*Quảng Ninh, ngày 26 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án;

Căn cứ vào Điều 280, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27, khoản 1 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình

Căn cứ khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên hoà giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 75/2026/TLST- DS ngày 03 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Đặng Thị L, sinh năm 1958;

Nơi cư trú: tổ A, khu C, phường T, tỉnh Quảng Ninh.

- *Bị đơn*:

+ Bà Đinh Thị N, sinh năm 1978; nơi cư trú: tổ A, khu H, phường V, tỉnh Quảng Ninh.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978; nơi cư trú: tổ G, khu H, phường V, tỉnh Quảng Ninh.

- Anh Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1976 và chị Hoàng Thị L1, sinh năm 1982 (tên gọi trước đây là Hoàng Thị P); nơi cư trú: tổ D, khu H, phường V, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nghĩa vụ trả nợ:

+ Tính đến ngày 18/3/2026, chị Đinh Thị N còn nợ bà Đặng Thị L số tiền nợ gốc là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng).

+ Tính đến ngày 18/3/2026, chị Nguyễn Thị T còn nợ bà Đặng Thị L số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

+ Tính đến ngày 18/3/2026, anh Nguyễn Ngọc T1 và chị Hoàng Thị L1 (tên gọi khác Hoàng Thị P) còn nợ bà Đặng Thị L số tiền nợ gốc là 126.000.000 đồng (Một trăm triệu hai mươi sáu triệu đồng).

- Về phương án trả nợ:

Chậm nhất vào ngày 15 hàng tháng, thời hạn bắt đầu từ tháng 5 năm 2026, chị Đinh Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị L mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi chị N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Chậm nhất vào ngày 15 hàng tháng, thời hạn bắt đầu từ tháng 5 năm 2026, chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị L mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi chị T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Chậm nhất vào ngày 15 hàng tháng, thời hạn bắt đầu từ tháng 5 năm 2026, anh Nguyễn Ngọc T1 và chị Hoàng Thị L1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Đặng Thị L mỗi tháng số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho đến khi anh T1, chị L1 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp chị N, chị T, anh T1, chị L1 không thực hiện trả nợ hoặc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của một trong các kỳ như cam kết thì được coi là vi phạm toàn bộ nghĩa vụ trả nợ, bà Đặng Thị L có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án thi hành quyết định của Toà án đối với toàn bộ số tiền nợ mà chị N, chị T, anh T1, chị L1 chưa thực hiện. Chị N, chị T, anh T1, chị L1 còn phải trả lãi đối với toàn bộ số tiền còn nợ lại theo lãi suất chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí:

Chị Đinh Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.250.00 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Nguyễn Ngọc T1 và chị Hoàng Thị L1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.575.000 đồng (Một triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bà Đặng Thị L là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà L.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 1 – Quảng Ninh;
- Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
Phòng THADS khu vực 1 – Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ vụ án..

THẨM PHÁN

Lê Thị Thu